CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CẤP THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS. Nguyễn Ngọc Luân* - TS. Hồ Văn Bắc - TS. Hà Quang Trung****
TS. Hồ Lương Xinh - TS. Phương Hữu Khiêm*****

Nghiên cứu này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xây dựng nông thôn mới cấp thôn. Dữ liệu được thu thập từ 27 thôn của tỉnh Thái Nguyên. Phương pháp xếp hạng lớn nhất - nhỏ nhất (BWS) và Thiết kế khối cân bằng không đầy đủ (BIBD) được sử dụng nhằm đánh giá nhận thức chủ quan về mức độ ảnh hưởng; kết hợp với phân tích tương quan Pearson để kiểm định tác động thực chứng đến kết quả xây dựng nông thôn mới. Kết quả cho thấy các yếu tố thuộc nội lực cộng đồng như sự đồng thuận, tham gia của người dân và uy tín/năng lực của lãnh đạo thôn có ảnh hưởng tích cực. Trong khi đó, các yếu tố hỗ trợ từ bên ngoài không tạo ra tác động trực tiếp rõ rệt mà chỉ đóng vai trò điều kiện đủ để nâng cao hiệu quả. Điều này nhấn mạnh rằng phát huy nội lực cộng đồng kết hợp với hỗ trợ phù hợp từ bên ngoài là hướng tiếp cận bền vững cho xây dựng nông thôn mới ở cấp thôn.

• Từ khóa: *bộ tiêu chí; nhận thức chủ quan; nội lực cộng đồng; nông thôn mới cấp thôn; tác động thực chứng.*

This study analyzes the factors influencing the results of new rural development at the village level. Data were collected from 27 villages in Thai Nguyen province. The Best-Worst Scaling (BWS) method and the Balanced Incomplete Block Design (BIBD) were employed to assess the degree of influence of key factors, based on subjective perceptions; in combination with Pearson correlation analysis to test their empirical effects on new rural development outcomes. The results show that factors related to internal community capacity, such as community consensus, residents' participation, and the credibility and capacity of village leadership, have positive effects. Meanwhile, external support factors do not produce clear direct impacts, but rather play the role of sufficient conditions for enhancing effectiveness. These findings emphasize that mobilizing internal community capacity, together with appropriate external support, represents a sustainable approach to new rural development at the village level.

• Key words: *community internal capacity; empirical effects; set of criteria; subjective perceptions; village-level new rural development.*

Ngày nhận bài: 15/6/2025
Ngày gửi phản biện: 02/12/2025
Ngày duyệt đăng: 14/01/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i307.12

1. Đặt vấn đề

Sau hơn 15 năm triển khai (2010-2025), Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) đã trở thành một chính sách phát triển nông thôn có quy mô và tác động sâu rộng tại Việt Nam. Chương trình đã góp phần thay đổi rõ rệt diện mạo nông thôn và nâng cao chất lượng đời sống người dân. Tuy nhiên, kết quả đạt được giữa các vùng chưa đồng đều, có sự chênh lệch đáng kể giữa vùng đồng bằng và khu vực miền núi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025).

Bước sang giai đoạn mới, việc sắp xếp lại đơn vị hành chính, mở rộng quy mô xã, tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị và tích hợp ba Chương trình MTQG thành một chương trình thống nhất (Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội) đặt ra yêu cầu cấp thiết phải điều chỉnh cách tiếp cận thực hiện.

Trong bối cảnh đó, cấp thôn - với tư cách là thiết chế tự quản của cộng đồng - nổi lên như không gian nền tảng, nơi chính sách tác động trực tiếp và mức độ thụ hưởng của người dân được phản ánh rõ nhất. Đặc biệt, trong khi xã được vận hành như một "huyện thu nhỏ" thì thôn dù không phải là cấp hành chính nhưng theo định hướng sắp xếp lại sẽ ngày càng đảm nhiệm vai trò như một "xã thu nhỏ" ở quy mô cộng đồng, trở thành

** Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường; email: luan.nguyen@cap.gov.vn*
*** Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên*
**** Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên*

cầu nối quan trọng giữa chính quyền và người dân (Trần Công Thắng & Nguyễn Ngọc Luân, 2025). Chính vì thế, tiếp cận xây dựng NTM cấp thôn không chỉ phù hợp với định hướng "đi vào chiều sâu, đảm bảo thực chất, hiệu quả và bền vững" (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2022), mà còn là không gian thích hợp để thực hiện Chương trình MTQG sau khi tích hợp.

Xuất phát từ thực tiễn và khoảng trống đó, bài viết này được thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xây dựng NTM ở cấp thôn, qua đó cung cấp luận cứ khoa học góp phần phục vụ hoàn thiện chính sách, tổ chức thực hiện và lựa chọn mô hình phù hợp trong bối cảnh thể chế mới.

2. Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở sáu nhóm yếu tố ảnh hưởng X_1 - X_6. Mô hình không nhằm mục tiêu dự báo hay ước lượng quan hệ nhân quả, mà được thiết kế để: (i) đánh giá mức độ ảnh hưởng của mỗi yếu tố theo nhận thức chủ quan của người được phỏng vấn; (ii) đánh giá tác động thực chứng với kết quả thực hiện Bộ tiêu chí thôn NTM (Y) thông qua phân tích tương quan:

$Y = f(X_1, X_2, X_3, X_4, X_5, X_6)$

Việc kết hợp hai hướng phân tích cho phép so sánh "yếu tố được cảm nhận là quan trọng" (nhận thức chủ quan) với "yếu tố thể hiện mức độ liên hệ thực chứng với kết quả tiêu chí" (tác động thực chứng), qua đó nhận diện những điểm tương đồng, những khác biệt giữa đánh giá chủ quan và bằng chứng định lượng, đồng thời gợi mở các hàm ý chính sách phù hợp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng đánh giá hai lớp thông tin: (i) nhận thức chủ quan về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố; và (ii) tác động thực chứng của chúng lên kết quả đo lường được. Dữ liệu được thu thập từ 27 thôn thuộc 09 xã của 03 huyện đại diện cho ba tiểu vùng sinh thái - kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên ở thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp lại các đơn vị hành chính (Quốc hội, 2025), gồm: (i) huyện Phú Bình - đại diện cho khu vực đồng bằng, ven đô; (ii) huyện Đại Từ - đại diện cho khu vực trung du; và (iii) huyện Võ Nhai - đại diện cho khu vực miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nội dung khảo sát gồm hai phần chính: (i) Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáu yếu tố X_1 - X_6 đối với quá trình triển khai và hiệu quả xây dựng NTM tại thôn; (ii) Ghi nhận kết quả thực hiện Bộ tiêu chí thôn NTM giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thái Nguyên, theo 10 tiêu chí, 31 chỉ tiêu, thang điểm 100 (Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, 2022). Kết quả này được sử dụng làm biến phụ thuộc Y trong phân tích tương quan. Cách thiết kế này cho phép đối chiếu giữa nhận định chủ quan và bằng chứng thực chứng, nhằm xem yếu tố nào được đánh giá cao nhưng tác động thực tế hạn chế, và yếu tố nào bị xem nhẹ nhưng lại có kết quả rõ rệt trong triển khai.

Phương pháp xếp hạng lớn nhất - nhỏ nhất (Best-Worst Scaling - BWS) được sử dụng nhằm xác định mức độ ưu tiên của các yếu tố ảnh hưởng theo nhận thức chủ quan của đối tượng khảo sát, kết hợp với phương pháp Thiết kế khối cân bằng không đầy đủ (Balanced Incomplete Block Design - BIBD) để thiết kế phiếu điều tra (Louviere, 1991; Louviere, Flynn & Marley, 2015). Hai phương pháp này được lựa chọn kết hợp sử dụng vì: (i) giảm thiên lệch "tất cả đều quan trọng" vốn thường gặp trong khảo sát ở cấp cộng đồng; (ii) dễ so sánh và lựa chọn nhờ thiết kế BIBD (mỗi lượt chỉ so sánh 3/6 yếu tố để đảm bảo câu trả lời chính xác và nhất quán hơn); (iii) phù hợp với cỡ mẫu nhỏ - BWS tạo ra chỉ số tổng hợp ở cấp mẫu không đòi hỏi phân bố dữ liệu lớn như các mô hình hồi quy; và (iv) cho phép so sánh thứ tự và khoảng cách ảnh hưởng giữa các yếu tố.

Đối với mỗi yếu tố i trong số sáu yếu tố, tiến hành: (i) đếm tổng số lượt yếu tố đó được lựa chọn là "ảnh hưởng lớn nhất" (Best_Xi) trong tất cả các nhóm câu hỏi và trong toàn bộ 27 thôn; (ii) đếm tổng số lượt yếu tố đó được lựa chọn là "ảnh hưởng nhỏ nhất" (Worst_Xi); và (iii) Tính điểm thô Best–Worst: $BWS_X_i = Best_X_i - Worst_X_i$. Nếu BWS_X_i càng lớn chứng tỏ yếu tố đó càng được đánh giá là quan trọng hơn so với các yếu tố còn lại.

Để các yếu tố có thể so sánh trực quan trên cùng một thang đo, nghiên cứu chuẩn hoá điểm BWS (đặt tên là BWS_score) về khoảng [0-1] theo công thức:

$$BWS_score = \frac{(BWS_X_i - BWS_{min})}{(BWS_{max} - BWS_{min})}$$

Trong đó:

BWS_X_i *là điểm* BWS thô của yếu tố thứ i trong 6 yếu tố (i = 1 đến 6)

BWS_{min} *là điểm BWS thô thấp nhất trong 6 yếu tố được chọn*

BWS_{max} *là điểm BWS thô* cao nhất trong 6 yếu tố được chọn

Điểm BWS_score cuối cùng nằm trong khoảng [0-1], cho phép xếp hạng mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố, so sánh mức độ quan trọng giữa sáu yếu tố và nhận diện nhóm yếu tố ưu tiên.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xây dựng nông thôn mới

4.1.1. Kết quả phân tích mức độ ảnh hưởng các yếu tố (BWS_Score)

Bảng 1. Kết quả phân tích BWS về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố X_1 - X_6

Yếu tố ảnh hưởng	Số lượt chọn Best	Số lượt chọn Worst	BWS = Best - Worst	BWS _score	Xếp hạng	Ý nghĩa
X_1	40	1	39	1,00	1	Ảnh hưởng mạnh nhất
X_4	25	6	19	0,71	2	Ảnh hưởng lớn
X_3	20	17	3	0,47	3	Ảnh hưởng trung bình
X_6	14	21	-7	0,32	4	Ảnh hưởng tương đối thấp
X_2	5	30	-25	0,06	5	Ảnh hưởng rất thấp
X_5	4	33	-29	0,00	6	Ảnh hưởng thấp nhất

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu.

Kết quả phân tích BWS cho thấy bức tranh thực chứng rõ nét trong cách các trưởng thôn đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáu nhóm yếu tố tới kết quả xây dựng NTM ở 27 thôn khảo sát. Bảng 1 trình bày chi tiết số lượt mỗi yếu tố được lựa chọn là "ảnh hưởng lớn nhất" (Best) và "ảnh hưởng nhỏ nhất" (Worst), điểm chênh lệch BWS, giá trị chuẩn hóa (BWS_score), thứ tự xếp hạng và ý nghĩa ảnh hưởng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy những phát hiện quan trọng từ góc nhìn của trưởng thôn, theo thứ tự mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố như sau:

X_1 (Nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước) được đánh giá là yếu tố có ảnh hưởng cao nhất (BWS_score = 1,00), phản ánh thực tế rằng xây dựng NTM muốn đạt kết quả tốt (theo tư duy của trưởng thôn đó là đạt tiêu chí NTM) nhất thiết phải có hỗ trợ của nhà nước để xây dựng công trình hạ tầng, mô hình sản xuất…

X_4 (Sự đoàn kết, đồng thuận và ý thức cộng đồng) đứng thứ hai (BWS_score = 0,71), khẳng định nhận thức của trưởng thôn về vai trò quan trọng của cộng đồng, nếu thiếu sự đồng thuận và tinh thần tự giác thì nhiều tiêu chí "mềm" về văn hóa, thực hiện hương ước, vệ sinh môi trường khó đạt được.

X_3 (Năng lực và uy tín lãnh đạo thôn) xếp thứ ba (BWS_score = 0,47), cho thấy trưởng thôn đánh giá cao vai trò của công tác lãnh đạo, nhưng cũng nhận thức rõ rằng hiệu quả lãnh đạo không có tính quyết định mà phụ thuộc nhiều vào nguồn lực bên ngoài (X_1) và sự đồng thuận nội bộ (X_4).

X_6 (Đặc điểm tự nhiên - địa hình, vị trí) được xếp thứ tư (BWS_score = 0,32), thể hiện rằng dù là yếu tố "mặc định" nhưng vẫn được thừa nhận là một rào cản thực tế, làm tăng chi phí và khó khăn trong thi công, đặc biệt tại các thôn miền núi như Võ Nhai.

X_2 (Sự tham gia và đóng góp của người dân) có mức ảnh hưởng rất thấp (BWS_score = 0,06). Kết quả này khá bất ngờ so với các lý thuyết phát triển cộng đồng, tuy nhiên nhiều trưởng thôn làm rõ sự tham gia đóng góp không quan trọng bằng sự đoàn kết và đồng thuận của cộng đồng (X_4).

X_5 (Vai trò hỗ trợ và hướng dẫn của cán bộ xã) được đánh giá thấp nhất (BWS_score = 0,00). Điều này phản ánh khoảng cách trong phối hợp giữa cấp xã và thôn, với nhận định rằng sự hỗ trợ thường mang tính hành chính, chưa thực sự sát với nhu cầu và điều kiện cụ thể của cơ sở.

Tổng thể, kết quả BWS cho thấy trưởng thôn ưu tiên hai nhóm yếu tố: nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước (X_1) và sự đoàn kết, đồng thuận của cộng đồng (X_4), tiếp đến là năng lực lãnh đạo của trưởng thôn (X_3) và điều kiện tự nhiên (X_6), trong khi sự tham gia của người dân (X_2) và vai trò của cán bộ xã (X_5) được đánh giá thấp hơn. Trật tự ưu tiên này phản ánh sự kết hợp giữa căn cứ thực tế triển khai NTM ở cấp cơ sở và góc nhìn chủ quan của trưởng thôn - những người trực tiếp chỉ đạo ở địa bàn thôn và kết nối với cấp xã trong quá trình này. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng mức độ ảnh hưởng "theo nhận thức" chưa chắc đã phản ánh đúng mức độ ảnh hưởng "trên thực tế". Chính

vì vậy, phần tiếp theo sẽ phân tích mối quan hệ thực chứng giữa sáu yếu tố X_1 - X_6 và kết quả xây dựng NTM (Y) nhằm kiểm chứng sự phù hợp (hoặc khác biệt) giữa nhận thức và kết quả thực hiện bộ tiêu chí.

4.1.2. Mối quan hệ thực chứng giữa các yếu tố và kết quả xây dựng nông thôn mới (Y)

Để kiểm chứng mức độ ảnh hưởng thực tế của sáu yếu tố X_1 - X_6 đối với kết quả xây dựng NTM, nghiên cứu tiến hành phân tích tương quan Pearson giữa từng yếu tố và biến phụ thuộc Y (điểm thực hiện Bộ tiêu chí thôn NTM). Bảng 2 trình bày hệ số tương quan (r) và mức ý nghĩa thống kê (Sig.).

Bảng 2. Phân tích tương quan giữa Y và các yếu tố X_1 - X_6

Mã	Yếu tố	r	Sig.	Ý nghĩa
X_1	Hỗ trợ từ nhà nước	-0,480	0,011	Tác động ngược chiều, có ý nghĩa
X_2	Tham gia của người dân	0,623	0,001	Tác động cùng chiều, mạnh và có ý nghĩa
X_3	Năng lực trưởng thôn	0,307	0,119	Không có ý nghĩa
X_4	Đồng thuận, ý thức	0,687	0,000	Tác động mạnh nhất, cùng chiều, rất có ý nghĩa
X_5	Hướng dẫn của xã	-0,138	0,493	Không có ý nghĩa
X_6	Đặc điểm tự nhiên	-0,807	0,000	Tác động ngược chiều, rất mạnh và rất có ý nghĩa

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu.

Kết quả cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa nhận thức chủ quan của trưởng thôn và mối quan hệ thực chứng với kết quả thực hiện Bộ tiêu chí NTM. Một số yếu tố được đánh giá rất quan trọng lại có tác động thực chứng yếu, trong khi một số yếu tố có tác động mạnh lại ít được đánh giá cao.

Trước hết, mức độ đoàn kết, đồng thuận và ý thức cộng đồng (X_4) có tương quan mạnh nhất và cùng chiều với kết quả NTM ($r = 0,687$; $p < 0,001$). Điều này cho thấy những thôn có tinh thần gắn kết cao, có sự đồng thuận cộng đồng thường đạt kết quả NTM tốt hơn, nhờ khả năng phát huy nội lực và vốn xã hội. Như vậy, X_4 thể hiện các giá trị xã hội nền tảng đóng vai trò có tính quyết định.

Sự tham gia và đóng góp của người dân (X_2) cũng có tương quan cùng chiều và có ý nghĩa ($r = 0,623$; $p = 0,001$). Điều này phần nào bù đắp cho điểm BWS thấp của X_2, cho thấy trên thực tế sự tham gia thực chất của người dân vẫn là yếu tố không thể thay thế để đạt kết quả NTM tốt hơn, phản ánh đúng các lý thuyết về phát triển cộng đồng.

Đặc biệt đáng chú ý là kết quả đối với điều kiện tự nhiên của thôn (X_6). Đây là yếu tố có tương quan mạnh nhất theo chiều ngược với Y ($r = –0,807$; $p < 0,001$). Hệ số này cho thấy địa hình, vị trí vùng sâu, vùng xa là rào cản cấu trúc mà việc huy động cộng đồng thông thường khó khắc phục, đòi hỏi chính sách hỗ trợ đặc thù và tiêu chí đánh giá linh hoạt, phù hợp với từng vùng.

Nguồn lực hỗ trợ từ Nhà nước (X_1) có tương quan âm và có ý nghĩa ($r = –0,480$; $p = 0,011$). Đây là một kết quả thú vị vì nó đi ngược lại nhận thức của trưởng thôn, vốn cho rằng X_1 là yếu tố quan trọng nhất. Trên thực tế, sự hỗ trợ thường tập trung vào các thôn khó khăn có xuất phát điểm thấp (như ở Võ Nhai), do đó mối tương quan này phản ánh "mức độ khó khăn ban đầu" hơn là "động lực tạo kết quả cao".

Cuối cùng, vai trò hỗ trợ và hướng dẫn của cán bộ xã (X_5) không có tương quan ý nghĩa với kết quả NTM ($r = –0,138$; $p = 0,493$). Điều này phù hợp với đánh giá thấp từ BWS, cho thấy sự hỗ trợ của xã trong thực tế chưa phát huy được vai trò như kỳ vọng trong mô hình quản trị đa cấp.

Như vậy, kết quả tương quan chỉ ra rằng các yếu tố "nội lực cộng đồng" (X_4, X_2) có tác động tích cực và rõ ràng đến kết quả NTM, trong khi các yếu tố "ngoại lực hỗ trợ" (X_1, X_5) không có tác động tích cực trực tiếp như nhận thức của trưởng thôn. Yếu tố địa lý tự nhiên (X_6) thể hiện vai trò ràng buộc cấu trúc rất mạnh, cần được tính đến khi đánh giá kết quả NTM một cách công bằng hơn.

4.1.3. Kết quả đối chiếu giữa đánh giá của trưởng thôn và tác động thực chứng của các yếu tố

Kết quả phân tích BWS và kiểm định Pearson trình bày ở trên cho thấy tồn tại cả điểm tương đồng lẫn khác biệt đáng kể trong cách đánh giá sáu yếu tố ảnh hưởng giữa quan điểm chủ quan của trưởng thôn và bằng chứng thực chứng phản ánh qua kết quả thực hiện Bộ tiêu chí thôn NTM. Nhằm làm rõ các mức độ phù hợp và chênh lệch đó, nghiên cứu tiến hành đối chiếu giữa mức độ ảnh hưởng theo đánh giá chủ quan (BWS_score) và mối quan hệ thực chứng với kết quả xây dựng thôn NTM (Y), qua đó nhận diện ba xu hướng

nổi bật: (i) phù hợp cao, (ii) nghịch lý rõ rệt, và (iii) tác động không rõ ràng.

Bảng 3. Đối chiếu nhận thức chủ quan và tác động thực chứng

Mã	Tên yếu tố	BWS_score	r với Y	Nhận xét
X_1	Hỗ trợ từ nhà nước	1,00	-0.480	Nghịch lý rõ rệt
X_2	Tham gia của người dân	0,06	0,623	Nghịch lý rõ rệt
X_3	Năng lực trưởng thôn	0,47	0,307	Không rõ ràng
X_4	Đồng thuận, ý thức	0,71	0,687	Phù hợp cao
X_5	Hướng dẫn của xã	0,00	-0,138	Không rõ ràng
X_6	Đặc điểm tự nhiên	0,32	-0,807	Nghịch lý rõ rệt

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu.

Kết quả đối chiếu cho thấy X_1 dù được trưởng thôn đánh giá là yếu tố quan trọng nhất lại không có tác động tích cực trực tiếp đến kết quả tiêu chí. Điều này phản ánh nghịch lý nguồn lực hỗ trợ tập trung nhiều hơn vào những địa bàn khó khăn, qua đó làm hệ số tương quan chuyển thành âm trong kiểm định thực chứng, qua đó phần nào thể hiện tâm lý phụ thuộc vào hỗ trợ bên ngoài trong nhận thức của trưởng thôn.

Ngược lại, các yếu tố thuộc nội lực cộng đồng, đặc biệt là mức độ đoàn kết, đồng thuận và ý thức cộng đồng (X_4) thể hiện tác động nhất quán giữa đánh giá chủ quan và thực chứng. Bên cạnh đó, sự tham gia thực chất của người dân (X_2) nằm trong nhóm nghịch lý rõ rệt, khi được đánh giá thấp nhưng lại cho thấy tác động mạnh và có ý nghĩa thống kê. Hai yếu tố này củng cố luận điểm của lý thuyết phát triển cộng đồng và vốn xã hội: nội lực và khả năng tự quản mới là nền tảng tạo ra thay đổi bền vững ở cấp cơ sở.

Tóm lại, mô hình phân tích cho thấy yếu tố tác động đến kết quả NTM ở cấp thôn là nội lực cộng đồng, bao gồm mức độ đồng thuận, sự tham gia và khả năng tự quản.

5. Kết luận và khuyến nghị

Thông qua việc đối chiếu nhận thức chủ quan và tác động thực chứng, nghiên cứu đã chỉ ra sự khác biệt đáng kể trong cách đánh giá sáu nhóm yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng NTM cấp thôn, theo nhận định của trưởng thôn và tác động thể hiện qua kết quả thực hiện Bộ tiêu chí NTM. Trong khi nguồn lực hỗ trợ từ Nhà nước được đánh giá cao nhất trong nhận thức chủ quan, kết quả kiểm định cho thấy yếu tố này không có mối quan hệ cùng chiều rõ ràng với kết quả xây dựng NTM ở cấp thôn. Điều này phản ánh thực tế rằng các địa bàn khó khăn thường nhận được mức hỗ trợ lớn hơn nhưng lại gặp nhiều rào cản trong quá trình triển khai. Ngược lại, các yếu tố thuộc về nội lực cộng đồng, bao gồm sự đoàn kết, đồng thuận, ý thức cộng đồng và mức độ tham gia của người dân, có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến kết quả xây dựng NTM. Kết quả này khẳng định vai trò then chốt của vốn xã hội và năng lực tự quản trong thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững. Bên cạnh đó, yếu tố điều kiện tự nhiên có tác động ngược chiều rõ rệt, cho thấy đây là rào cản mang tính cấu trúc, góp phần lý giải sự chênh lệch về kết quả NTM giữa các vùng đồng bằng, trung du và miền núi.

Từ những kết quả trên có thể rút ra một nhận định chung: động lực của xây dựng NTM cấp thôn không hình thành đơn thuần từ nguồn lực bên ngoài, mà từ khả năng chuyển hóa nguồn lực đó thành hành động tập thể. Việc hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, tăng cường vai trò của xã, chú trọng tới nội lực cộng đồng và phân loại mức hỗ trợ phù hợp là những hướng đi cần thiết.

Nghiên cứu này chủ yếu dựa trên đánh giá chủ quan của trưởng thôn và dữ liệu tại một tỉnh, nên khả năng khái quát còn hạn chế và chưa phản ánh đầy đủ quan điểm của các nhóm dân cư khác. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi địa lý, đa dạng hóa đối tượng khảo sát, kết hợp dữ liệu theo thời gian và áp dụng các mô hình phân tích nâng cao để đánh giá sâu hơn cơ chế tác động.

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2022). Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Barca, F. (2009). An agenda for a reformed cohesion policy. European Commission

Bourdieu, P. (1986). The forms of capital. In J. Richardson (Ed.), Handbook of theory and research for the sociology of education (pp. 241–258). Greenwood.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (2025). Báo cáo tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. Báo cáo tại Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 ngày 22/6/2025

Chaskin, R. (2001). Building community capacity: A definitional framework and case studies from a comprehensive community initiative. Urban Affairs Review, 36(3): 291-323.

Hooghe, L. & Marks, G. (2003). Unraveling the central state, but how? Types of multi-level governance. American Political Science Review, 97(2), 233–243

Kretzmann, J. & McKnight, J. (1993). Building communities from the inside out: A path toward finding and mobilizing a community's assets. ACTA Publications.

Louviere, J. J. (1991). Best - Worst Measurement. Working Paper, University of Alberta.

Louviere, J. J., Flynn, T. N., & Marley, A. A. J. (2015). Best - Worst Scaling: Theory, Methods and Applications. Cambridge University Press.